

Bản án số: **960 /2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-8-2022
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Huỳnh Tố Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 575/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn M, xã C, Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông Lý Chân V, sinh năm 1982; Địa chỉ: 357 đường D, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, bà và ông V tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01/2015

ngày 27/3/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại phường P, quận Tân Phú cho đến khi xảy ra mâu thuẫn, bà về quê ở Khánh Hòa sinh sống đến nay.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả mà làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà và ông V sống ly thân từ tháng 05/2021 cho đến nay, mỗi người ở một nơi không có sự quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông V có hai con chung tên Lý Bội C, sinh ngày 04/6/201 và Lý Bội B, sinh ngày 04/6/201. Khi ly hôn, bà đồng ý giao hai con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng).

Về tài sản chung: Bà và ông V không có tài sản chung.

Về nợ chung : Bà và ông V không có nợ chung.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do ông V vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông V vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà T yêu cầu giao hai con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi mỗi con 3 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ông V không đến Tòa cũng như không xác định nơi ở hiện tại của ông V nên khi ly hôn để đảm bảo lợi ích của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà T là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01/2015 ngày 27/3/2015 do Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông V thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông V có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

- Xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V.

- Xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 27/4/2022, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ông V không có mặt tại tòa án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, tòa án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía bà T để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V vắng mặt điều đó thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà T và ông V đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- *Về quan hệ con chung:* Bà T và ông V có hai con chung tên Lý Bội C, sinh ngày 04/6/201 và Lý Bội B, sinh ngày 04/6/201. Khi ly hôn, bà T giao hai con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông V không còn ở địa phương, đi đâu không rõ. Trong quá trình giải quyết, ông V đều vắng mặt, không có bản khai trình bày ý kiến của mình. Do đó, việc bà T yêu cầu giao hai con chung cho ông V nuôi dưỡng là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, hiện nay không biết nơi ở của ông V cũng như các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của ông V đối với các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai là người trực

tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi mọi mặt của trẻ, do đó giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và đảm bảo quyền lợi của các con chung.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Do bà T không yêu cầu, ông V vắng mặt do đó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tạm hoãn, tách thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ghi nhận lời khai của bà T là không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của bà T là không có nợ chung.

[4] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0034922 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Lý Chấn V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2015 ngày 27/3/2015 do Ủy ban nhân dân phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T, ông V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: Giao trẻ tên Lý Bội C, sinh ngày 04/6/201 và Lý Bội B, sinh ngày 04/6/201 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông V được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ghi nhận lời khai của bà T việc các bên không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của bà T việc các bên không có nợ chung.

2. Về án phí:

Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0034922 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thanh Ty và ông Lý Chấn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai

